

Số: 99/2020/QĐST-HNGĐ

Yên Phong, ngày 09 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 51/2020/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Long C, sinh năm 1986.

Trú tại: thôn Ch, xã D, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1989.

Trú tại: thôn T, xã T, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Long H, sinh 1959; Bà Nguyễn Thị H, sinh 1959.

Trú tại: thôn Ch, xã D, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01/9/2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01/9/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Long C và chị Nguyễn Thị X.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Long C và chị Nguyễn Thị X đều thoả thuận tự nguyện ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Long C, chị Nguyễn Thị X thoả thuận khi ly hôn anh Nguyễn Long C được nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 25/10/2010 và cháu Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 04/9/2013; Chị Nguyễn Thị X được nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Bảo Tr, sinh ngày 13/10/2015.

- Về cấp dưỡng: Anh C, chị X không yêu cầu tòa giải quyết.

Anh C, chị X được quyền thăm nom con chung song không được làm ảnh hưởng đến cuộc sống riêng của nhau và các con. Không ai được cản trở quyền này của anh C, chị X.

3. Về tài sản chung, công nợ: Anh C, chị X không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về trích chia công sức: Anh C, ông H, bà H đồng ý trích chia công sức cho chị Nguyễn Thị X 80.000.000 đồng cụ thể như sau.

Lần 01: Trả 50.000.000 đồng vào ngày 07/9/2020.

Lần 02: Trả 30.000.000 đồng vào ngày 30/10/2020.

(Xác nhận ngày 07/9/2020 anh C, ông H, bà H đã thanh toán trả cho chị X số tiền theo thỏa thuận là 50.000.000 đồng).

Đến ngày 30/10/2020 nếu anh C, ông H, bà H không thanh toán trả cho chị X số tiền còn lại theo thỏa thuận là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và chị X có đơn đề nghị thi hành án thì anh C, ông H, bà H còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Chị X tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản. Xác nhận chị X đã nộp đủ 5.000.000 đồng để chi phí cho việc xem xét thẩm định và định giá tài sản.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Long C phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Nguyễn Long C đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai số: AA/2018/0001377, ngày 07/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong. Hoàn trả anh Nguyễn Long C 150.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị X không phải chịu án phí DSST do các đương sự có văn bản đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc trích chia công sức gửi cho Tòa án trước khi Tòa án tiến hành phiên họp và hòa giải (theo điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án lệ phí).

Hoàn trả chị Nguyễn Thị X 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: AA/2018/0004123, ngày 21/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

7. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Phong;
- Chi cục THADS huyện Yên Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.
- UBND xã, phường nơi đương sự cư trú.

THẨM PHÁN

Chu Minh Nam

